

Số: 40/2021/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 30 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Nam và Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: XD, KHĐT, TP;
- Cục KTVBQP PL-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐVP, GTXD, NN&TNMT, các CV;
- Lưu VT, GTXD

TD XD/7.DA/7.QĐ/2021.11

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở các dự án, công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các cấp, chủ đầu tư và các cơ quan chuyên môn trong việc thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và nguyên tắc phân cấp

1. Dự án đầu tư xây dựng: Theo quy định tại khoản 15 Điều 3 Luật Xây dựng, là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để tiến hành hoạt động xây dựng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng nhằm phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn và chi phí xác định. Ở giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng, dự án được thể hiện thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. Dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn sử dụng vốn khác có yêu cầu thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng, gồm: dự án đầu tư xây dựng nhóm A theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án đầu tư xây dựng do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị có yêu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Vốn đầu tư xây dựng:

- Vốn đầu tư công: là vốn bao gồm vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Vốn nhà nước ngoài đầu tư công: vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu thầu nhưng không bao gồm vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Vốn khác: là các nguồn vốn hợp pháp khác trừ vốn nhà nước.

4. Nguyên tắc phân cấp: Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; đảm bảo đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính.

Chương II

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định dự án, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp, ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

Trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định, tổng hợp ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là cơ quan chủ trì thẩm định dự án, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp, ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng.

Trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm định, tổng hợp ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng.

c) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án chủ trì thẩm định dự án, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp, ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng.

Trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định, tổng hợp ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư):

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập giao bộ phận chuyên môn trực thuộc chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có), ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có) trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

2. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án sử dụng vốn khác: Người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc làm cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Trường hợp không có cơ quan chuyên môn trực thuộc, người quyết định đầu tư giao tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án chủ trì thẩm định.

3. Đối với dự án PPP, việc thẩm định được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Đối với dự án sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên thì cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung sau: tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế; lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế; khối lượng công việc; dự kiến chi phí, dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

5. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chủ trì thực hiện theo Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định các dự án nhóm B, nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (*trừ các dự án: dự án nhóm B do người đứng đầu của cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên; dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng*). Cụ thể như sau:

a) Sở Xây dựng thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (*trừ đường quốc lộ qua đô thị*);

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (*trừ dự án, công trình quy định tại điểm a khoản này*);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (*trừ dự án, công trình quy định tại điểm a khoản này*);

Phân loại công trình thực hiện theo quy định tại Phụ lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định các dự án nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (*trừ các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương, người đứng đầu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế,*

tổng công ty nhà nước) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên; dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; trừ dự án được quy định tại điểm b khoản này);

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thẩm định các dự án nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp tỉnh (*trừ các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương, người đứng đầu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư).*

3. Đối với dự án PPP: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định các dự án PPP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (*trừ các dự án: dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; dự án do người đứng đầu cơ quan trung ương, Thủ trưởng cơ quan khác theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư phê duyệt dự án hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt dự án; dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên).*

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định các dự án quy mô lớn, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (*trừ các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm A; dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên; dự án được quy định tại điểm b khoản này);*

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thẩm định các dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp tỉnh (*trừ các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm A; dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I).*

5. Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định khoản 1 Điều này đối với công năng phục vụ của công trình chính

của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp lấy ý kiến của cơ quan tổ chức có liên quan trong quá trình thẩm định.

6. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

7. Thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng là một nội dung của thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chủ trì thẩm định về công nghệ đối với dự án do Hội đồng nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án (*trừ các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm A, nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên; dự án do Bộ quyết định đầu tư*).

3. Đối với dự án sử dụng vốn khác: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án (*trừ các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm A; dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên*).

4. Đối với dự án PPP, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định về công nghệ khi thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ quy mô, tính chất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, thẩm định theo quy định.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp xã quyết định đầu tư: thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước: Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với dự án PPP: Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công (trừ dự án quy định tại khoản 2 điều này) và dự án sử dụng vốn khác: Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư xây dựng hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Đối với dự án sửa chữa công trình, thiết bị công trình có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng vốn ngân sách nhà nước chỉ thường xuyên, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định về chi thường xuyên.

Điều 7. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;

d) Khi chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá xây dựng được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

đ) Khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dẫn đến phải điều chỉnh dự án.

2. Việc điều chỉnh dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do người quyết định đầu tư quyết định.

3. Việc điều chỉnh dự án sử dụng vốn khác do người quyết định đầu tư quyết định trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu về quy hoạch, an toàn, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, quốc phòng, an ninh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

4. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm xây dựng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp quy định tại Điều 4 Quy định này thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Khi điều chỉnh dự án có thay đổi về mục tiêu, quy mô sử dụng đất, quy mô đầu tư xây dựng;

b) Khi có thay đổi về chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của dự án tại quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác hoặc quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư được phê duyệt;

c) Khi điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

d) Khi có thay đổi về giải pháp bố trí các công năng chính trong công trình dẫn đến yêu cầu phải đánh giá lại về giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn xây dựng, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của dự án.

6. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án hoặc cấp công trình xây dựng của dự án, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án, cấp công trình sau điều chỉnh.

7. Tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công chỉ được điều chỉnh khi điều chỉnh dự án. Đối với dự án sử dụng vốn khác, việc điều chỉnh tổng mức đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.

Chương III **THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG** **TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ**

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 4 thẩm định các công trình xây dựng thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, (trừ công trình thuộc các dự án: dự án do Thủ tướng Chính phủ giao; dự án quan trọng quốc gia; dự án nhóm A; dự án nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án được đầu tư trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh; dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư);

2. Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 4 thẩm định các công trình xây dựng thuộc dự án có quy mô nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích công đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (*trừ công trình thuộc các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm B do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên; dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án được quy định tại điểm b khoản này*);

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thẩm định các công trình xây dựng thuộc dự án có quy mô nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích công đồng được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp (*trừ công trình thuộc các dự án: dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương, người đứng đầu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư*).

3. Đối với dự án PPP: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 4 thẩm định các công trình thuộc dự án PPP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình: thuộc dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, cơ quan khác theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư phê duyệt dự án hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt dự án; trừ công trình thuộc dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 4 chỉ thẩm định công trình xây dựng thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư

nông thôn, trừ các công trình thuộc dự án có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên.

5. Đối với dự án hỗn hợp gồm nhiều loại công trình khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp lấy ý kiến của cơ quan tổ chức có liên quan trong quá trình thẩm định.

6. Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 26 điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14; tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn bản của các cơ quan tổ chức có liên quan, thực hiện các yêu cầu (nếu có) để làm cơ sở phê duyệt thiết kế xây dựng.

2. Trong quá trình thẩm định, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

3. Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định.

4. Chủ đầu tư phê duyệt bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Chủ đầu tư được quyết định về việc phê duyệt đối với các bước thiết kế còn lại.

Trường hợp thực hiện quản lý dự án theo hình thức Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc Ban quản lý dự án một dự án, Chủ đầu tư được ủy quyền cho Ban quản lý dự án trực thuộc phê duyệt thiết kế xây dựng.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình

1. Việc thẩm định dự toán xây dựng công trình được thực hiện đồng thời với việc thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

2. Thẩm quyền thẩm định dự toán xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo thẩm quyền thẩm định thiết kế triển

khai sau thiết kế cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này. Nội dung thẩm định dự toán theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83a Luật Xây dựng được bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Khoản 3 Điều 13 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Chủ đầu tư thẩm định dự toán xây dựng công trình đồng thời thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của chủ đầu tư. Nội dung thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 83 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Khoản 4 Điều 13 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

4. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán đồng thời phê duyệt bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và gửi Quyết định phê duyệt cho người quyết định đầu tư.

Điều 11. Thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Thiết kế xây dựng đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế xây dựng;

b) Trong quá trình thi công xây dựng có yêu cầu phải điều chỉnh thiết kế xây dựng để bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Quy định này thẩm định thiết kế xây dựng điều chỉnh đối với các trường hợp:

a) Điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

b) Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế cơ sở.

2. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Đối với các trường hợp thiết kế xây dựng điều chỉnh, bổ sung không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở phê duyệt.

Điều 12. Điều chỉnh dự toán xây dựng

1. Dự toán xây dựng được phê duyệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng;

b) Được phép thay đổi, bổ sung thiết kế không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí dự toán xây dựng nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt;

2. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh gồm phần dự toán xây dựng công trình không điều chỉnh và phần dự toán xây dựng công trình điều chỉnh. Các nội dung liên quan đến phần dự toán xây dựng công trình điều chỉnh phải được thẩm định theo quy định tại Điều 13 Nghị định 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thực hiện theo quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán tại Điều 10 quy định này.

4. Trường hợp dự toán xây dựng công trình điều chỉnh vượt dự toán đã phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận trước khi phê duyệt.

5. Việc điều chỉnh dự toán không vượt dự toán đã phê duyệt nhưng làm thay đổi cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư tự tổ chức điều chỉnh, phê duyệt, báo cáo người quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về kết quả điều chỉnh.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định lại; việc phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng đã phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 62/2020/QH14.

Thiết kế xây dựng, dự toán đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì không phải phê duyệt lại; các bước tiếp theo thực hiện theo quy định này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông Vận tải, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; định kỳ 06 tháng, 1 năm tổng hợp gửi Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định./.